Ex 1: Điền dấu hiệu nhận biết (DHNB) của thì Quá khứ đơn và chia động từ trong ngoặc:

1. Yesterday it _rained_ (rain).

DHNB: Yesterday

2. She ___ (help) me last weekend.

DHNB:

3. They___ (open) the shop two hours ago.

DHNB:

4. We ___ (go) to Spain last summer.

DHNB:

5. She ___ (visit) her friend in 2011.

DHNB:

6. We ___ (see) the film last week.

DHNB:

7. The Olympic Games ___ (finish) last month.

DHNB:

8. The football match ___ (start) an hour ago

DHNB:

9. She ___ (send) the text message two minutes ago.

DHNB:

10. Emily and Lucy ___ (go) shopping yesterday.

DHNB:

Ex 2: Điền dấu hiệu nhận biết (DHNB) của thì Quá khứ đơn và chia động từ trong ngoặc:

1. _____ you _____ (visit) our uncle last Sunday? - DHNB:
2. He _____ (not eat) breakfast this morning. - DHNB:
3. I _____ (see) her at the supermarket two days ago. - DHNB:
4. They _____ (arrive) home at 8 p.m. yesterday. - DHNB:
5. _____she _____ (buy) a new backpack in 2021? - DHNB:

LIVEWORKSHEETS

6. The dog _____ (bark) loudly a few minutes ago. - DHNB:

7. We _____ (have) an English test last Friday. - DHNB:

8. Anna _____ (not send) an email to her teacher yesterday afternoon. - DHNB:

9. He _____ (go) to the dentist last Monday. - DHNB:

10. They _____ (not play) football the day before yesterday.

LIVEWORKSHEETS